

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn mạng và chữ ký số - MH1104266

Mã lớp học phần: 24311MH110426601 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Bá Vĩnh - (04141)

Ngày thi: 10/6/2025 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: PM2

Giám thị 1: Trương Bá Vĩnh Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310160030	Phạm Nguyễn Trường	An	29/09/2005	C25TM	<u> </u>	6,0	Sau không	
2	2310160011	Huỳnh Thảo	Chi	05/04/2005	C25TM	<u> </u>	7,0	bây không	
3	2310160034	Nguyễn Kiều Quốc	Cường	06/02/2005	C25TM	<u> </u>	8,5	tam gửi?	
4	2310160006	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	19/04/2005	C25TM	<u> </u>	6,5	Sau gửi?	
5	2310160002	Trần Ngọc Minh	Hân	10/12/2005	C25TM	<u> </u>	8,0	tam không	
6	2310160001	Phạm Thị Mỹ	Lệ	12/02/2000	C25TM	<u> </u>	8,0	tam không	
7	2310160008	Trần Hoàng	Long	01/11/2005	C25TM	<u> </u>	8,5	tam gửi?	
8	2310160036	Huỳnh Tấn	Lộc	16/10/2004	C25TM	<u> </u>	8,0	tam không	
9	2310160035	Nguyễn Minh	Luân	08/11/2005	C25TM	<u> </u>	7,0	bây không	
10	2310160020	Lư Trúc	Mai	07/05/2005	C25TM	<u> </u>	7,0	bây không	
11	2310160015	Nhan Thanh	Mai	14/12/2005	C25TM	<u> </u>	9,0	chín không	
12	2310160009	Nguyễn Thị Hà	My	01/01/2004	C25TM	<u> </u>	6,5	Sau gửi?	
13	2310160027	Nguyễn Ánh	Như	06/05/2005	C25TM	<u> </u>	7,0	bây không	
14	2310160038	Nguyễn Nhựt Hà	Phương	01/10/2005	C25TM	<u> </u>	8,0	tam không	
15	2310160019	Trần Trúc	Phương	26/10/2005	C25TM	<u> </u>	7,0	bây không	
16	2310160033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/06/1996	C25TM	<u> </u>	9,0	chín không	
17	2310160005	Phạm Thị Ngọc	Thảo	26/09/2005	C25TM	<u> </u>	7,0	bây không	
18	2310040022	Nguyễn Ngô Nhật	Thuận	02/04/2005	C25TM	<u> </u>	9,0	chín không	
19	2310160013	Nguyễn Trần Anh	Thư	10/12/2005	C25TM	<u> </u>	7,5	bây gửi?	
20	2310160007	Đoàn Thị Mỹ	Tiên	31/03/2005	C25TM	<u> </u>	9,0	chín không	
21	2310160023	Trần Thị Cẩm	Tiên	24/12/2005	C25TM	<u> </u>	7,0	bây không	
22	2310160003	Huỳnh Thị Kim	Trang	17/02/2005	C25TM	<u> </u>	9,0	chín không	
23	2310160037	Nguyễn Minh	Tú	23/11/2005	C25TM	<u> </u>	8,0	tam không	
24	2310160025	Lê Hoàng	Vũ	30/09/2005	C25TM	<u> </u>	8,0	tam không	
25	2310160012	Lê Thị Thúy	Vy	10/03/2005	C25TM	<u> </u>	6,5	Sau gửi?	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 15 vắng thi: 0. Số bài thi: 28 / 25.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025

1 TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa.

Ngày 10 tháng 06 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Thường Ba Vinh

TRƯC



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn mạng và chữ ký số - MH1104266

Mã lớp học phần: 24311MH110426601 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Bá Vĩnh - (04141)

Ngày thi: 24/6/2025 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: PM2

Giám thị 1: Trương Bá Vĩnh Ký tên: Mul

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310160030	Phạm Nguyễn Trường An	29/09/2005	C25TM	<u>An</u>	6,5	Sau gửi	
2	2310160011	Huỳnh Thảo Chi	05/04/2005	C25TM	<u>Chi</u>	8,0	tạm không	
3	2310160034	Nguyễn Kiều Quốc Cường	06/02/2005	C25TM	<u>Cường</u>	6,5	Sau gửi	
4	2310160006	Hồ Thị Mỹ Hạnh	19/04/2005	C25TM	<u>myhanh</u>	7,0	bây không	
5	2310160002	Trần Ngọc Minh Hân	10/12/2005	C25TM	<u>le</u>	8,0	tạm không	
6	2310160001	Phạm Thị Mỹ Lệ	12/02/2000	C25TM	<u>myle</u>	8,5	tạm gửi	
7	2310160008	Trần Hoàng Long	01/11/2005	C25TM	<u>Long</u>	8,0	tạm không	
8	2310160036	Huỳnh Tấn Lộc	16/10/2004	C25TM	<u>Lộc</u>	9,0	Chín không	
9	2310160035	Nguyễn Minh Luân	08/11/2005	C25TM	<u>Luân</u>	7,0	bây không	
10	2310160020	Lư Trúc Mai	07/05/2005	C25TM	<u>Mai</u>	6,0	Sau không	
11	2310160015	Nhan Thanh Mai	14/12/2005	C25TM	<u>Mai</u>	7,5	bây gửi	
12	2310160009	Nguyễn Thị Hà My	01/01/2004	C25TM	<u>My</u>	7,5	bây gửi	
13	2310160027	Nguyễn Ánh Như	06/05/2005	C25TM	<u>Như</u>	6,0	Sau không	
14	2310160038	Nguyễn Nhật Hà Phương	01/10/2005	C25TM	<u>Phuong</u>	8,0	tạm không	
15	2310160019	Trần Trúc Phương	26/10/2005	C25TM	<u>Phuong</u>	6,0	Sau không	
16	2310160033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	26/06/1996	C25TM	<u>Thao</u>	8,0	tạm không	
17	2310160005	Phạm Thị Ngọc Thảo	26/09/2005	C25TM	<u>Thao</u>	8,0	tạm không	
18	2310040022	Nguyễn Ngô Nhật Thuận	02/04/2005	C25TM	<u>Thuận</u>	8,0	tạm không	
19	2310160013	Nguyễn Trần Anh Thư	10/12/2005	C25TM	<u>Thư</u>	8,0	tạm không	
20	2310160007	Đoàn Thị Mỹ Tiên	31/03/2005	C25TM	<u>Tien</u>	6,5	Sau gửi	
21	2310160023	Trần Thị Cẩm Tiên	24/12/2005	C25TM	<u>Tien</u>	9,0	Chín không	
22	2310160003	Huỳnh Thị Kim Trang	17/02/2005	C25TM	<u>Trang</u>	8,0	tạm không	
23	2310160037	Nguyễn Minh Tú	23/11/2005	C25TM	<u>Tu</u>	9,0	Chín không	
24	2310160025	Lê Hoàng Vũ	30/09/2005	C25TM	<u>Vu</u>	8,0	tạm không	
25	2310160012	Lê Thị Thúy Vy	10/03/2005	C25TM	<u>Thuy Vy</u>	7,5	Bây gửi	

- Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 2...tháng 7...năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

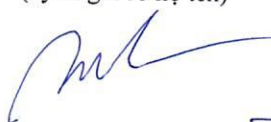
(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Hiền

Ngày 01...tháng 7...năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Bá Tĩnh

TK

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn mạng và chữ ký số - MH1104266

Mã lớp học phần: 24311MH110426601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Bá Vinh

Ngày thi: 24/07/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ký tên: 

Giám thị 2: Phạm Quang Sáng

Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310160030	Phạm Nguyễn Trường An	29/09/2005			1,0	không	C25TM	
2	2310160011	Huỳnh Thảo Chi	05/04/2005			5,0	không	C25TM	
3	2310160034	Nguyễn Kiều Quốc Cường	06/02/2005			7,0	không	C25TM	
4	2310160006	Hồ Thị Mỹ Hạnh	19/04/2005			7,5	không	C25TM	
5	2310160002	Trần Ngọc Minh Hân	10/12/2005			7,0	không	C25TM	
6	2310160001	Phạm Thị Mỹ Lệ	12/02/2000			8,0	không	C25TM	
7	2310160008	Trần Hoàng Long	01/11/2005			8,0	không	C25TM	
8	2310160036	Huỳnh Tấn Lộc	16/10/2004			8,5	không	C25TM	
9	2310160035	Nguyễn Minh Luân	08/11/2005			7,0	không	C25TM	
10	2310160020	Lư Trúc Mai	07/05/2005			5,0	không	C25TM	
11	2310160015	Nhan Thanh Mai	14/12/2005			5,0	không	C25TM	
12	2310160009	Nguyễn Thị Hà My	01/01/2004			5,0	không	C25TM	
13	2310160027	Nguyễn Ánh Như	06/05/2005			5,0	không	C25TM	
14	2310160038	Nguyễn Nhựt Hà Phương	01/10/2005			6,0	không	C25TM	
15	2310160019	Trần Trúc Phương	26/10/2005			4,0	không	C25TM	
16	2310160033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	26/06/1996			7,5	không	C25TM	
17	2310160005	Phạm Thị Ngọc Thảo	26/09/2005			5,0	không	C25TM	
18	2310040022	Nguyễn Ngô Nhật Thuận	02/04/2005			7,5	không	C25TM	
19	2310160013	Nguyễn Trần Anh Thư	10/12/2005			5,0	không	C25TM	
20	2310160007	Đoàn Thị Mỹ Tiên	31/03/2005			8,5	không	C25TM	
21	2310160023	Trần Thị Cẩm Tiên	24/12/2005			5,0	không	C25TM	
22	2310160003	Huỳnh Thị Kim Trang	17/02/2005			9,0	không	C25TM	
23	2310160037	Nguyễn Minh Tú	23/11/2005			4,0	không	C25TM	
24	2310160025	Lê Hoàng Vũ	30/09/2005			7,0	không	C25TM	
25	2310160012	Lê Thị Thúy Vy	10/03/2005			4,0	không	C25TM	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

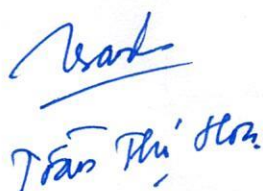
Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 25 / 25.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 1 tháng 8 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

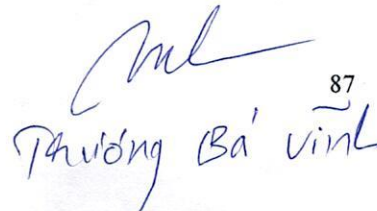
(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Bá Vinh

Ngày 30 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Bá Vinh